

HOẠT ĐỘNG BẢO CHỮA CỦA CHỦ THỂ GỠ TỘI TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ¹

NGUYỄN THỊ MAI*

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thường có sự góp mặt đông đủ nhất của những chủ thể tiến hành tố tụng cũng như chủ thể tham gia tố tụng. Do đó, các chức năng trong tố tụng hình sự cũng được thể hiện một cách đậm nét. Bài viết làm rõ về hoạt động bảo chữa của chủ thể gỡ tội tại phiên tòa hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành, một số vấn đề thực tiễn cũng như giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động bảo chữa của chủ thể gỡ tội tại phiên tòa.

Từ khóa: Tranh tụng, chủ thể gỡ tội, phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Ngày nhận bài: 08/6/2021; Biên tập xong: 14/6/2021; Duyệt đăng: 22/6/2021

That there are enough procedure-conducting and procedure-participating persons at the first-instance criminal trial leads to clear demonstration of the functions in criminal proceedings. The article clarifies the defense activities of acquittal subjects at the first-instance criminal trial under current legal provisions, practical issues and solutions to improve the quality of that activity.

Keywords: Litigation, acquittal subjects, first-instance trial.

1. Cơ sở bảo đảm hoạt động bảo chữa của chủ thể tranh tụng gỡ tội

“Quyền bảo chữa là quyền tố tụng xuất hiện trên cơ sở thực hiện một trong những chức năng cơ bản của tố tụng hình sự, chỉ thuộc người bị buộc tội”², bao gồm “tất cả các quyền mà pháp luật quy định để người bị buộc tội chống lại sự buộc tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thực hiện quyền bảo chữa của người bị buộc tội là điều kiện cần thiết để cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xử lý vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật”³. Theo quy định tại Điều 16 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, quyền bảo chữa của người bị buộc tội gồm quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa, hai quyền này song song tồn tại, không loại trừ, phủ định lẫn nhau. Trong trường hợp người bị buộc tội nhờ người bào chữa thì họ vẫn có quyền tự bào chữa. Những người có

thể trở thành người bào chữa cho người bị buộc tội gồm: Luật sư, người đại diện của người bị buộc tội, bào chữa viên nhân dân, trợ giúp viên pháp lý đối với đối tượng bị buộc tội được trợ giúp pháp lý theo Luật trợ giúp pháp lý. Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cho người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa nên nếu thuộc những trường hợp quy định tại Điều 76 BLTTHS năm 2015 mà người bị buộc tội, người đại diện, người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm cử người bào chữa cho họ. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, việc bảo đảm cho bị cáo thực hiện quyền bào chữa là hết sức quan trọng. Chủ thể thực hiện chức năng bào chữa là một bên thực hiện hoạt động tranh tụng; do đó, ngoài sự có mặt của bị cáo thì sự có mặt của người bào chữa tại phiên tòa để bào chữa cho bị cáo sẽ góp phần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, hạn chế tình trạng oan, sai. Để đáp ứng yêu cầu đặt ra đối với việc bảo đảm quyền con người, việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội là hết sức cần thiết và cũng góp phần bảo

¹ Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: “Chủ thể tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự” tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2021.

² Nguyễn Văn Tuân (2015), *Một số vấn đề về luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 37.

³ Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 48.

* Thạc sĩ, Giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội

đảm hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Chủ thể thực hiện chức năng gỡ tội gồm người bào chữa và bị cáo. Trên thực tế, các chủ thể này sẽ thực hiện hoạt động bào chữa với mục đích xác định sự vô tội hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Cơ sở phát sinh hoạt động bào chữa là quyền bào chữa của người bị buộc tội và ngược lại, hoạt động bào chữa là phương thức để người bị buộc tội và người bào chữa thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội. Quyền bào chữa là quyền cơ bản của con người, của công dân trong tố tụng hình sự, đó là tổng thể các quyền mà pháp luật quy định, cho phép người bị buộc tội có thể sử dụng nhằm bác bỏ một phần hoặc toàn bộ sự buộc tội và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự⁴. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, đặc biệt là khi tranh tụng tại phiên tòa, hoạt động bào chữa phải được bảo đảm thực hiện nhằm bảo vệ quyền con người, quyền bình đẳng trước pháp luật. Nếu quá trình tố tụng chỉ thể hiện vai trò áp đặt của Nhà nước đối với người bị buộc tội thông qua hoạt động buộc tội hay xét xử của Viện kiểm sát và Tòa án thì sẽ dẫn tới tình trạng cả hệ thống tố tụng hình sự sẽ trở thành hệ thống buộc tội. Với tư cách là quyền cơ bản hiến định của công dân, quyền bào chữa bắt buộc các cơ quan tiến hành tố tụng phải tạo cơ hội để chức năng bào chữa được thực hiện một cách thuận lợi. Các cơ quan tiến hành tố tụng cũng phải tôn trọng và bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo.

Nhằm bảo đảm tốt nhất hoạt động bào chữa của chủ thể gỡ tội, BLTTHS năm 2015 đã có những quy định cụ thể về việc bị cáo, người bào chữa có quyền yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xuất trình tài liệu, đồ vật hoặc một số quyền yêu cầu khác như hoãn phiên tòa, xem xét chứng cứ, đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng... Các quyền này cũng nhằm phục vụ hoạt động tranh tụng gỡ tội của bị cáo,

người bào chữa. Cụ thể, chủ thể gỡ tội tại phiên tòa gồm bị cáo, người bào chữa được thực hiện những hoạt động sau:

- Bị cáo được nghe Kiểm sát viên công bố bản cáo trạng, được trình bày ý kiến về việc bản cáo trạng tại phiên tòa có giống như bản cáo trạng bị cáo đã được nhận hay không. Nếu có những nội dung không giống hoặc có những nội dung Kiểm sát viên bổ sung gây bất lợi cho bị cáo thì bị cáo trình bày để Hội đồng xét xử xem xét.

- Bị cáo trả lời các câu hỏi của chủ tọa phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Bị cáo trả lời câu hỏi cũng chính là bị cáo đang thể hiện nhận thức, quan điểm về hành vi mà mình đã thực hiện. Việc bị cáo trả lời trung thực, đúng đắn và chi tiết về hành vi cũng có thể được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, tại phiên tòa, bị cáo cũng có quyền không trả lời các câu hỏi (quyền im lặng); nếu được chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo có thể hỏi bị cáo khác, hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ, hỏi người làm chứng về các vấn đề có liên quan đến bị cáo.

- Bị cáo, người bào chữa có quyền trình bày, nêu ý kiến về các hoạt động mà Hội đồng xét xử thực hiện tại phiên tòa; người bào chữa có quyền tiến hành xét hỏi.

- Bị cáo, người bào chữa trình bày lời bào chữa, có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp với quan điểm buộc tội của Kiểm sát viên.

2. Thực tiễn hoạt động bào chữa của chủ thể gỡ tội tại phiên tòa sơ thẩm

Chủ thể thực hiện chức năng bào chữa (gỡ tội) cho bị cáo tại phiên tòa có thể là Luật sư, bào chữa viên nhân dân, người đại diện của bị cáo, trợ giúp viên pháp lý. Trên thực tế, việc thống kê, báo cáo về sự tham gia của bào chữa viên nhân dân, người đại diện của bị cáo, trợ giúp viên pháp lý không được thực hiện đầy đủ mà chủ yếu dựa trên báo cáo của Liên đoàn Luật sư. Nhìn chung, trong tất cả phiên tòa có sự có mặt của Luật sư bào chữa thì Luật sư đều chủ động, tích cực tham gia bào chữa

⁴ Hoàng Thị Sơn (2003), *Thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự*, Luận án Tiến sĩ Luật học, tr. 14.

cho bị cáo, chủ động tranh luận, đối đáp với Kiểm sát viên. Tại một số phiên tòa, Luật sư đề xuất Hội đồng xét xử trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung, làm rõ thêm các tình tiết có liên quan đến vụ án. Hầu hết các quan điểm bào chữa đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị cho bị cáo được hưởng khoan hồng. Điều này đã thể hiện được trình độ chuyên môn cũng như đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của Luật sư khi tham gia bào chữa tại phiên tòa sơ thẩm.

Thông qua các báo cáo của Liên đoàn Luật sư, có thể thấy số lượng các đoàn Luật sư và đội ngũ Luật sư ngày càng phát triển. Liên đoàn Luật sư được thành lập vào tháng 5/2009 với hơn 5.000 Luật sư, đến năm 2018 đã có 12.821 Luật sư hành nghề tại hơn 4.000 tổ chức hành nghề Luật sư, đến năm 2019 số Luật sư thành viên đã lên tới 13.859 người⁵. Cũng trong năm 2018, tổng số vụ án có Luật sư tham gia bào chữa là 12.450 vụ, tổng số vụ án đưa ra xét xử là 61.699 vụ (số vụ án có Luật sư tham gia bào chữa chiếm 20,18%); năm 2019, tổng số vụ án có Luật sư tham gia bào chữa là 12.728 vụ, tổng số vụ án đưa ra xét xử là 61.850 vụ (số vụ án có Luật sư tham gia bào chữa chiếm 20,59%). Số lượng vụ án có Luật sư tham gia bào chữa, gỡ tội cho bị cáo ngày càng tăng không chỉ thể hiện nhu cầu của xã hội (của người bị buộc tội) đối với dịch vụ bào chữa ngày càng phát triển, vai trò của người bào chữa được nâng cao mà còn giúp cho chất lượng tranh tụng, chất lượng xét xử vụ án được bảo đảm.

2.1. Thực tiễn hoạt động của Luật sư trong phân thủ tục bắt đầu phiên tòa

Trong thủ tục bắt đầu phiên tòa chưa có hoạt động tranh tụng của các chủ thể, tuy nhiên đây là tiền đề quan trọng để hoạt động tranh tụng có thể diễn ra một cách công bằng, bình đẳng giữa các bên. Bởi lẽ, trong phân thủ tục bắt đầu phiên tòa, chủ tọa phiên tòa phải kiểm tra sự có mặt của những người tham gia

tổ tụng được triệu tập, phổ biến quyền, nghĩa vụ cho họ, xem xét về việc có cần thay đổi người tiến hành tố tụng nào không để đảm bảo tính vô tư, khách quan khi giải quyết vụ án... Việc thực hiện thủ tục bắt đầu phiên tòa đầy đủ, tuân theo các quy định của pháp luật sẽ góp phần đảm bảo chất lượng hoạt động tranh tụng. Có nhiều trường hợp, Luật sư đã phát hiện được căn cứ đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký hoặc người phiên dịch, người dịch thuật... Khi xem xét về sự có mặt của những người tham gia tố tụng được triệu tập, có trường hợp Luật sư đã kịp thời đề xuất triệu tập người làm chứng vắng mặt, triệu tập thêm người làm chứng. Trường hợp bị cáo đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chưa đủ thời gian tối thiểu mà pháp luật quy định, Luật sư cũng kịp thời đề nghị hoãn phiên tòa để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo.

Ví dụ, khi chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo về việc đã được giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử hay chưa, nếu bị cáo trả lời đã được nhận; chủ tọa hỏi tiếp bị cáo đã được nhận cách đây bao nhiêu ngày, nếu số ngày bị cáo trả lời là dưới 10 ngày tức là không đáp ứng số ngày tối thiểu mà pháp luật quy định. Lúc này, Luật sư bào chữa cho bị cáo hoàn toàn có quyền đề nghị hoãn phiên tòa để bảo đảm số ngày tối thiểu bị cáo nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử trước ngày mở phiên tòa như BLTTHS năm 2015 quy định.

Khi tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa bắt buộc phải phổ biến quyền, nghĩa vụ cho bị cáo nhưng nếu tại phiên tòa, bị cáo không được phổ biến thì Luật sư bào chữa có quyền đề nghị chủ tọa phải phổ biến vì chỉ khi bị cáo đã nắm được quyền, nghĩa vụ mới bảo đảm các lợi ích hợp pháp cho bị cáo. Nếu chủ tọa không hỏi bị cáo về việc có đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người dịch thuật, người giám định thì Luật sư bào chữa đề nghị cho bị cáo được thực hiện các quyền này.

Như vậy, mặc dù trong thủ tục bắt đầu phiên tòa, hoạt động tranh tụng chưa diễn ra nhưng vai trò của người bào chữa đã

⁵ Báo cáo tổ chức, hoạt động các năm 2018, 2019 của Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

được thể hiện một cách rõ nét. Nhờ sự có mặt của người bào chữa với những đề xuất, yêu cầu kịp thời mà quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo tại phiên tòa được bảo đảm, những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi, có đủ những người tham gia tố tụng cần thiết. Đây sẽ là tiền đề quan trọng cho hoạt động tranh tụng diễn ra một cách chất lượng, đáp ứng được yêu cầu về tăng cường tranh tụng trong xét xử mà công cuộc cải cách tư pháp đã đặt ra.

Bên cạnh đó, trong một số vụ án, mặc dù người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa nhưng vẫn để xảy ra những sai sót nhất định trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa. Có những phiên tòa tuy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thực hiện chưa đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định nhưng người bào chữa không phát hiện được. Một số trường hợp khác, mặc dù sự có mặt của người làm chứng, bị hại, người giám định... tại phiên tòa là rất quan trọng, chỉ khi những chủ thể này có mặt tại phiên tòa thì các tình tiết có liên quan đến vụ án mới được làm rõ nhưng Hội đồng xét xử lại tiến hành xét xử vắng mặt họ. Vì những nguyên nhân khác nhau mà người bào chữa cũng không phát hiện được để có những đề xuất kịp thời. Trong một số vụ án, những đề xuất của Luật sư bào chữa liên quan đến việc hoãn phiên tòa chưa thực sự phù hợp dẫn đến bị bác bỏ cũng gây ảnh hưởng nhất định đến vị thế của người bào chữa tại phiên tòa.

2.2. Thực tiễn hoạt động tranh tụng của Luật sư khi tiến hành xét hỏi

Mục đích của việc xét hỏi là để làm rõ các tình tiết của vụ án. Theo quy định của BLTTHS năm 2015, có rất nhiều chủ thể có quyền hỏi. Thông thường, chủ tọa hỏi trước, Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên xét hỏi rồi mới đến người bào chữa. Thực tế sẽ có những trường hợp hầu hết các tình tiết của vụ án đã được hỏi và làm sáng tỏ. Do đó, việc đặt câu hỏi của người bào chữa phải có sự chọn lọc kỹ càng để không bị trùng lặp, làm rõ hơn các tình tiết có liên quan nhưng

vẫn phải bảo đảm có lợi cho bị cáo. Trong quá trình hỏi, đa số Luật sư đều sử dụng rất đa dạng các loại câu hỏi như câu hỏi đóng, câu hỏi mở, câu hỏi mang tính đối chất... Từ câu trả lời của bị cáo hoặc những người tham gia tố tụng khác, Luật sư bào chữa sẽ củng cố thêm các căn cứ gỡ tội, căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tuy nhiên, vẫn không tránh được trường hợp Luật sư hỏi lặp lại các vấn đề đã được làm sáng tỏ. Thậm chí, có trường hợp Luật sư đặt câu hỏi quá phức tạp, không phù hợp với trình độ hiểu biết của bị cáo dẫn đến bị cáo trả lời theo hướng bất lợi. Trong một số phiên tòa có phát sinh những tình huống mới chưa được dự liệu trước, có những Luật sư vẫn còn tỏ ra lúng túng trong việc đặt câu hỏi hoặc nhận thức về vấn đề còn thiếu thống nhất.

2.3. Thực tiễn hoạt động tranh tụng của Luật sư khi tiến hành tranh luận tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Khi các bên buộc tội, gỡ tội tiến hành tranh luận, đối đáp là thể hiện hoạt động tranh tụng đã lên đến đỉnh điểm. Lúc này, Luật sư bào chữa phải trình bày bản luận cứ, tiến hành bào chữa cho thân chủ của mình theo hướng có lợi nhất mà vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Nhìn chung, Luật sư đã kịp thời đưa ra những yêu cầu, đề xuất để bảo đảm vụ án được giải quyết chính xác, khách quan. Nếu việc luận tội của Viện kiểm sát đã phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, Luật sư cũng kịp thời khai thác những tình tiết thuộc về nhân thân bị cáo để có được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Có trường hợp, tại phiên tòa xét xử khi nhận thấy bị cáo có thể đã bị bức cung, mớm cung, dùng nhục hình, Luật sư cũng đã có những lập luận rất sắc bén, đề nghị Hội đồng xét xử phải xem xét lại bút lục cũng như các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Khi xét thấy có những tình tiết chưa được làm rõ, Luật sư đã đề nghị Hội đồng xét xử quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Có thể thấy, chất lượng việc tranh luận, đối đáp của Luật sư bào chữa tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ngày càng bảo đảm,

thể hiện được trình độ nghiệp vụ cũng như tinh thần làm việc, đạo đức nghề nghiệp của Luật sư. Tuy nhiên, vẫn còn có những trường hợp khi tiến hành đối đáp, Luật sư bào chữa tỏ ra căng thẳng, gay gắt, đưa ra những tình tiết không phù hợp với thực tế khách quan của vụ án. Điều này dẫn đến làm mất không khí trang nghiêm của phiên tòa, ảnh hưởng đến chất lượng bào chữa. Trong một số trường hợp khác, Luật sư bào chữa mới chỉ tập trung khai thác các yếu tố thuộc về nhân thân bị cáo mà chưa khai thác được các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội có lợi của bị cáo. Cá biệt, một số trường hợp Luật sư còn đưa ra những quan điểm, đề xuất đi ngược với lợi ích của bị cáo hoặc cố tình đưa ra những ý kiến không phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4. Nguyên nhân của những hạn chế khi chủ thể gỡ tội tiến hành tranh tụng

Thứ nhất, người bào chữa muốn thực hiện được việc bào chữa cho bị cáo theo hướng gỡ tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì phải có những chứng cứ, tài liệu có liên quan. Mặc dù Điều 88 BLTTHS năm 2015 đã quy định người bào chữa có quyền thu thập chứng cứ bằng cách gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa. Tuy nhiên, hoạt động thu thập chứng cứ của người bào chữa trên thực tế gặp rất nhiều khó khăn, nhiều trường hợp người bào chữa gặp bị hại, gặp người làm chứng hoặc những người khác để thu thập thông tin, chứng cứ nhưng các chủ thể này không hợp tác và cũng không có cơ chế để xử lý. Ngược lại, hoạt động thu thập chứng cứ của Viện kiểm sát là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, có cơ chế xử lý với những hành vi cản trở hoạt động tố tụng. Điều này làm mất đi tính công bằng trong việc thu thập chứng cứ giữa người bào chữa đảm nhiệm vai trò gỡ tội và Viện kiểm sát với vai trò buộc tội.

Ngoài ra, Điều 81 BLTTHS năm 2015 còn quy định khi thu thập được chứng cứ, tài liệu,

đồ vật liên quan đến việc bào chữa, người bào chữa phải kịp thời giao cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để đưa vào hồ sơ vụ án. Rõ ràng, người bào chữa đã rất vất vả mới thu thập được chứng cứ trên thực tế, nhưng sau khi đã có chứng cứ thì phải giao nộp cho cơ quan tiến hành tố tụng, phải đưa vào hồ sơ vụ án. Điều này đồng nghĩa với việc tất cả chứng cứ, tài liệu mà người bào chữa thu thập để phục vụ cho việc gỡ tội, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì Kiểm sát viên đều đã rõ nên Kiểm sát viên sẽ có nhiều thuận lợi khi tiến hành tranh tụng.

Ở thời điểm hiện tại, diện người tham gia bào chữa là bào chữa viên nhân dân cũng không còn thực sự phù hợp. Quy định về chủ thể này trong BLTTHS năm 2015 cũng cần được xem xét và thay thế bằng những chủ thể khác để hoạt động tranh tụng gỡ tội diễn ra có chất lượng. Quy định tại Điều 73 BLTTHS về quyền của người bào chữa cũng cần được mở rộng để bảo đảm vị thế ngang bằng hơn giữa chủ thể buộc tội và gỡ tội.

Thứ hai, theo quy định tại Điều 80 BLTTHS năm 2015, người bào chữa có quyền gặp bị can, bị cáo để hỏi thêm các thông tin, tình tiết có liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015 về các quyền của bị cáo thì không có quy định về quyền được gặp người bào chữa của bị cáo, cũng không có quy định nào thể hiện việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm thông báo, liên lạc với người bào chữa trong trường hợp bị cáo cần gặp. Như vậy, pháp luật chỉ quy định về trường hợp người bào chữa chủ động gặp bị cáo, còn trường hợp bị cáo muốn chủ động gặp người bào chữa của mình để trao đổi thêm thì hiện BLTTHS đang bỏ ngỏ. Đây cũng là bất lợi cho cả bị cáo và người bào chữa khi ra đến phiên tòa và có ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng.

Thứ ba, trong nhiều trường hợp, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng còn gây khó khăn đối với Luật sư tham gia bào chữa. Để có những chứng cứ phục vụ cho việc bào chữa, tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, Luật sư phải được tiếp

cận, đọc, sao chụp hồ sơ vụ án. Mặc dù đây là quyền của người bào chữa đã được quy định trong BLTTHS nhưng trên thực tế, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chưa tạo điều kiện để Luật sư thực hiện quyền này. Những lý do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đưa ra có thể là không có phòng đọc, không có máy photo tài liệu... Những lý do này đã thể hiện sự thiếu hợp tác với Luật sư bào chữa trong việc chuẩn bị tài liệu cho tranh tụng.

Thứ tư, trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận nhỏ Luật sư còn hạn chế dẫn đến mặc dù tại phiên tòa Luật sư có tham gia bào chữa nhưng lại có những quan điểm gây bất lợi cho bị cáo, thậm chí có những Luật sư thể hiện quan điểm đồng tình với việc buộc tội, định tội danh mà Viện kiểm sát đưa ra.

3. Một số kiến nghị nhằm bảo đảm hoạt động tranh tụng của chủ thể gỡ tội

Thứ nhất, cần bổ sung quy định nhằm bảo đảm việc thu thập chứng cứ của người bào chữa

Theo quy định tại khoản 2 Điều 88 BLTTHS năm 2015: “Để thu thập chứng cứ, người bào chữa có quyền gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa”. Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động thu thập chứng cứ của người bào chữa gặp rất nhiều khó khăn bởi việc gặp những chủ thể có liên quan, việc đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu chỉ mang danh nghĩa cá nhân, nếu các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác không hợp tác thì người bào chữa cũng không thể thu thập được chứng cứ. Trong khi đó, Viện kiểm sát với vai trò là chủ thể buộc tội đồng thời là cơ quan tiến hành tố tụng có quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng. Như vậy, chủ thể buộc tội có lợi thế hơn rất nhiều so với chủ thể gỡ tội trong việc thu thập chứng cứ. Vấn đề đặt ra là cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có trách

nhiệm phối hợp với người bào chữa để thực hiện yêu cầu thu thập chứng cứ của người bào chữa, có như vậy mới bảo đảm tính công bằng giữa chủ thể buộc tội và chủ thể gỡ tội, mới tăng khả năng và hiệu quả tranh tụng của chủ thể gỡ tội. Do đó, tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 88 BLTTHS năm 2015 như sau:

Điều 88. Thu thập chứng cứ

2. Để thu thập chứng cứ, người bào chữa có quyền gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được đề nghị của người bào chữa có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung Điều 72 BLTTHS năm 2015 về diện người có thể tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa

Theo Điều 72 BLTTHS năm 2015, người bào chữa có thể là Luật sư, người đại diện của người bị buộc tội, bào chữa viên nhân dân và trợ giúp viên pháp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, chủ thể bào chữa là bào chữa viên nhân dân không còn thực sự phù hợp. Trước đây, khi chưa có chủ thể bào chữa là Luật sư thì bào chữa viên nhân dân tham gia tố tụng để bảo vệ cho quyền, lợi ích của bị cáo là người trong các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc. Tuy nhiên, đội ngũ Luật sư hiện nay đã phát triển đông đảo về đội ngũ, cơ bản đáp ứng được nhu cầu bào chữa đặt ra. Quy định về chủ thể bào chữa là bào chữa viên nhân dân chỉ mang tính hình thức mà không được thực hiện trên thực tế. Hơn nữa, chất lượng bào chữa của đội ngũ này rất hạn chế do đa phần hoạt động trong các tổ chức chính trị xã hội, ít liên quan đến pháp luật. Do đó, theo quan điểm của tác giả, nên bỏ chủ thể bào chữa viên nhân dân ra khỏi diện những người có thể trở thành người bào chữa; đưa thêm diện người có thể trở thành người bào chữa là những người có kiến thức pháp lý mà được bị cáo, người đại diện của bị

cáo mời, ví dụ có thể là giảng viên của các cơ sở đào tạo luật, có thể là những người trong các cơ quan tư pháp đã nghỉ hưu... Khoản 2 và khoản 3 Điều 72 BLTTHS năm 2015 có thể sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 72. Người bào chữa

2. Người bào chữa có thể là:

- a) Luật sư;
- b) Người đại diện của người bị buộc tội;
- c) Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

d) Những người khác được người bị buộc tội, người đại diện của người bị buộc tội lựa chọn.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung quy định về quyền của người bào chữa

Để chuẩn bị cho việc bào chữa tại phiên tòa, người bào chữa có quyền “đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa từ khi kết thúc điều tra” (theo điểm 1 khoản 1 Điều 73 BLTTHS năm 2015). Tuy nhiên, quyền này của người bào chữa lại bị giới hạn bởi hai yếu tố: *Một là*, phạm vi tài liệu người bào chữa có quyền đọc, ghi chép và sao chụp chỉ liên quan đến việc bào chữa; *hai là*, thời điểm người bào chữa có quyền đọc, ghi chép và sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án chỉ từ khi kết thúc điều tra. Vì vậy, việc người bào chữa được tiếp cận hồ sơ vụ án, ghi chép, sao chụp các tài liệu trên thực tế gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng.

Do đó, tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm 1 khoản 1 Điều 73 theo hướng người bào chữa có quyền “*Đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án. Trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia thì đọc, ghi chép, sao chụp từ khi kết thúc điều tra*”.

Ngoài ra, để hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm thực sự có chất lượng đòi hỏi phải có định hướng đúng đắn cho sự phát triển của đội ngũ Luật sư về cả “chất” và “lượng”, đủ “tâm” và đủ “tầm”. Hoạt động bào chữa chủ yếu do Luật sư

thực hiện và việc bào chữa do Luật sư thực hiện có hiệu quả nhất, do đó cần “*phát triển đội ngũ Luật sư đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, vững vàng về bản lĩnh chính trị, trong sáng về đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và nhu cầu của xã hội*”⁶. Cần bảo đảm công tác đào tạo đội ngũ Luật sư đủ số lượng, đáp ứng được nhu cầu có người bào chữa trong các vụ án hình sự. Thực tiễn xét xử cho thấy, nếu trong vụ án không có Luật sư bào chữa thì các bị cáo gần như chỉ thụ động trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên mà không có khả năng tranh luận, đối đáp để bảo vệ quyền lợi cho mình. Vì vậy, việc bảo đảm đủ số lượng Luật sư tham gia bào chữa cho bị cáo là hết sức cần thiết để hoạt động tranh tụng diễn ra thực chất và hiệu quả.

Đội ngũ Luật sư cần được trang bị đầy đủ kiến thức pháp lý và kỹ năng hành nghề, tránh tình trạng lúng túng, bị động khi bào chữa. Kỹ năng tranh tụng cũng là một đòi hỏi tất yếu đối với Luật sư khi tham gia bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, bảo đảm việc đối đáp, tranh luận với Kiểm sát viên đúng trọng tâm, lời lẽ, lập luận chuẩn xác, có sức thuyết phục. Luật sư, trợ giúp viên pháp lý phải thường xuyên cập nhật kiến thức về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội cả trong nước và quốc tế để thực hiện việc bào chữa đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đồng thời phù hợp với quan điểm tiến bộ của các nước trên thế giới. Điều này đòi hỏi chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập sự cho Luật sư phải được xây dựng một cách hợp lý, khoa học, chú trọng đào tạo kỹ năng, không sa đà lý thuyết, học phải đi đôi với hành, đánh giá chất lượng đào tạo bằng hoạt động thực tế. Đồng thời, chương trình phải đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng tranh tụng cho Luật sư để đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn và pháp luật đặt ra./

⁶ Chiến lược phát triển nghề Luật sư đến năm 2020, ban hành kèm theo Quyết định số 1072/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/11/2011.